

MỤC LỤC

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2017

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,335,752,879,439	5,055,634,211,130
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<i>1,897,256,971,824</i>	<i>1,683,337,775,577</i>
1. Tiền	111		262,226,971,824	165,334,267,283
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,635,030,000,000	1,518,003,508,294
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>11.1</i>	<i>1,286,355,603,082</i>	<i>653,503,729,901</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		401,120,064	3,949,434,564
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,390,713)	(445,704,663)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,285,955,873,731	650,000,000,000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>5</i>	<i>1,046,762,017,238</i>	<i>1,954,490,525,510</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		654,031,862,580	406,023,133,056
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		87,194,906,159	74,347,949,755
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8,000,000,000	8,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		339,358,684,615	1,477,765,348,246
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(42,569,671,638)	(11,645,905,547)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		746,235,522	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>6</i>	<i>970,364,654,726</i>	<i>667,967,089,904</i>
1. Hàng tồn kho	141		974,549,191,067	678,008,300,538
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,184,536,341)	(10,041,210,634)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>135,013,632,569</i>	<i>96,335,090,238</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,764,220,228	13,568,506,662
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95,819,988,335	81,928,436,425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17,429,424,006	838,147,151

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,911,571,372,638	4,312,067,950,604
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	<i>7</i>	<i>119,121,652,168</i>	<i>27,806,169,630</i>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		17,304,707,562	18,454,707,562
2. Phải thu dài hạn khác	216		101,816,944,606	9,351,462,068
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>8</i>	<i>2,336,975,273,916</i>	<i>2,270,607,808,843</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1,278,727,506,488	822,896,790,489
- Nguyên giá	222		2,336,812,517,495	1,424,620,732,847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,058,085,011,007)	(601,723,942,358)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1,058,247,767,428	1,447,711,018,354
- Nguyên giá	228		1,168,737,029,832	1,501,542,467,590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110,489,262,404)	(53,831,449,236)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>5,370,446,842</i>	-
- Nguyên giá	231		11,797,057,729	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6,426,610,887)	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	<i>10</i>	<i>23,183,402,002</i>	<i>51,194,729,721</i>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23,183,402,002	51,194,729,721
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>2,157,486,674,940</i>	<i>1,634,742,246,014</i>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11.2	2,133,930,301,611	1,634,742,246,014
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.3	23,556,373,329	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1,269,433,922,770</i>	<i>327,716,996,396</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		179,418,670,044	141,883,545,324
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30,247,467,328	35,285,374,122
3. Lợi thế thương mại	269		1,059,767,785,398	150,548,076,950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11,247,324,252,077	9,367,702,161,734

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**


vào ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,405,635,029,942	2,859,216,960,685
I. Nợ ngắn hạn	310		2,165,897,839,799	1,605,193,733,300
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	507,197,325,174	348,434,636,059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19,745,203,855	27,503,484,462
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	57,103,268,115	104,158,920,838
4. Phải trả người lao động	314		134,326,815,387	97,082,897,135
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	124,400,562,409	146,768,677,940
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	666,666,672
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	52,622,462,561	30,938,632,294
8. Vay ngắn hạn	320	16	1,233,880,320,369	843,698,690,786
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36,621,881,929	5,941,127,114
II. Nợ dài hạn	330		1,239,737,190,143	1,254,023,227,385
1. Phải trả dài hạn khác	337		28,664,619,746	17,360,374,664
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		922,121,710,456	997,954,021,856
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		261,309,372,707	215,866,258,230
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		27,641,487,234	22,842,572,635
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7,841,689,222,135	6,508,485,201,049
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	7,841,689,222,135	6,508,485,201,049
1. Vốn cổ phần	411		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,192,080,967,500	3,192,083,261,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		104,000,000,000	159,680,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1,959,478,509,838)	(1,959,484,318,538)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		65,335,978,344	51,162,916,267
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15,909,752,661	15,909,752,661
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,435,357,657,195	1,910,023,821,917
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,421,949,406,273	572,575,797,042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11,247,324,252,077	9,367,702,161,734


 Trần Minh Nguyệt
 Người lập

Ngày 18 tháng 01 năm 2018


 Nguyễn Thị Oanh
 Kế toán trưởng


 Trần Lệ Nguyên
 Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	1,978,125,641,069	816,285,296,353	7,124,799,865,102	2,272,416,116,876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30,623,247,598	22,845,003,336	101,881,836,482	33,640,684,377
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		1,947,502,393,471	793,440,293,017	7,022,918,028,620	2,238,775,432,499
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1,573,362,747,250	646,210,683,200	5,575,038,570,930	1,366,565,469,545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		374,139,646,221	147,229,609,817	1,447,879,457,690	872,209,962,954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	58,827,299,429	230,797,286,873	661,920,940,519	1,548,026,247,947
7. Chi phí tài chính	22	20	48,094,173,844	31,842,924,840	161,842,847,727	95,709,391,246
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		44,539,563,558	18,410,857,759	157,279,321,813	38,641,296,719
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24		65,582,688,451	53,457,232,194	121,405,917,473	129,662,518,424
9. Chi phí bán hàng	25	21	260,011,186,814	112,786,329,565	1,061,670,473,379	720,947,364,625
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	149,270,222,922	74,767,721,274	443,826,759,551	251,621,681,968
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41,174,050,521	212,087,153,205	563,866,235,025	1,481,620,291,486
12. Thu nhập khác	31		12,456,558,635	(432,286,985)	29,426,365,915	38,601,764,837
13. Chi phí khác	32		19,120,622,335	3,838,463,814	23,898,033,495	14,317,340,560
14. Lợi nhuận khác	40	23	(6,664,063,700)	(4,270,750,799)	5,528,332,420	24,284,424,277
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34,509,986,821	207,816,402,406	569,394,567,445	1,505,904,715,763
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		26,135,556,159	22,775,071,456	64,268,390,111	328,256,661,438
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		43,077,437,505	10,942,283,868	50,950,381,745	(5,734,250,784)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(34,703,006,843)	174,099,047,082	454,175,795,589	1,183,382,305,109
19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(34,384,976,797)	165,344,936,907	383,442,362,950	1,043,055,418,977
20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(318,030,046)	8,754,110,175	70,733,432,639	140,326,886,132



Trần Minh Nguyệt
Người lập

Ngày 18 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		569,394,567,445	1,505,904,715,763
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao và hao mòn	02		266,696,612,249	79,906,166,715
- Các khoản dự phòng	03		23,800,246,213	8,539,336,884
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		824,571,609	(64,865,953)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(754,888,850,420)	(1,623,505,934,924)
- Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ và chi phí lãi vay	06		157,279,321,813	38,901,077,541
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	-	263,106,468,909	9,680,496,026
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09		16,239,175,270	(9,912,711,111)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(1,615,093,879)	(6,090,533,688)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		42,979,342,138	(25,434,497,464)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		7,917,039,746	(3,646,729,300)
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		3,548,314,500	3,773,080
- Tiền lãi vay đã trả	14		(157,855,192,070)	(28,273,393,656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(234,561,582,658)	(1,093,712,331,262)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19,109,506,120)	(31,132,135,681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	(79,351,034,164)	(1,188,518,063,056)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		251,850,657,979	(549,476,541,544)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		195,550,121	2,239,699,660
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(351,514,310,235)	(50,000,000,000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		381,395,942,000	1,305,098,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,166,915,215,886)	(1,566,054,371,341)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,844,029,286,012	1,667,648,000,400
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51,196,710,132	117,434,411,810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	1,010,238,620,123	926,889,198,985

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		43,446,506,000	-
- Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,514,500)	(831,373,476)
- Tiền thu từ đi vay	33		(470,298,883,405)	2,824,865,891,612
- Tiền trả nợ gốc vay	34		181,395,942,000	(1,536,346,509,254)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36		(471,498,335,530)	(493,762,010,450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(716,958,285,435)	793,925,998,432
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		213,929,300,524	532,297,134,361
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1,683,337,775,577	1,151,036,779,095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10,104,277)	3,862,121
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1,897,256,971,824	1,683,337,775,577



Trần Minh Nguyệt
 Người lập

Ngày 18 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Thị Oanh
 Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và hai công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa; dầu ăn và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Lạnh KIDO (“KDF”)

KDC sở hữu 65% vốn chủ sở hữu trong KDF, trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KIDO, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. KDF có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75,73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 - 536, Phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KTS”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KTS, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KTS có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido (“KIDOFOOD”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KIDOFOOD, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KIDOFOOD có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138 - 142 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("Tường An")

KDC sở hữu 76.11% vốn chủ sở hữu của Tường An, một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tường An hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các điều chỉnh sau đó. Tường An có trụ sở chính được đăng ký tại 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex")

KDC sở hữu 51% vốn chủ sở hữu trong Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công Thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 có trụ sở đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ("VPK")

KDC nắm giữ 51,05% quyền biểu quyết gián tiếp tại VPK, một công ty cổ phần được kiểm soát bởi Vocarimex, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của VPK là sản xuất và kinh doanh các loại bao bì giấy, chai và nút nắp nhựa. VPK có trụ sở đăng ký tại Lô 6 - 12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Quốc Tế Nhất Hào ("Nhất Hào")

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Nhất Hào, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314631140 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 09 năm 2017. Nhất Hào có trụ sở đăng ký tại 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Q1, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kiến Hưng ("Kiến Hưng")

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Kiến Hưng, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314580520 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 08 năm 2017. Kiến Hưng có trụ sở đăng ký tại 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Q1, Việt Nam.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Thịnh ("Phong Thịnh")

KDC sở hữu 34% vốn chủ sở hữu trong Phong Thịnh, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0314098268 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2016. Hoạt động chính của Phong Thịnh là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Phong Thịnh có trụ sở chính được đăng ký tại số 436 - 438 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Phong Thịnh vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ("Calofic")

KDC nắm giữ 24% quyền biểu quyết gián tiếp trong Calofic, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Calofic là sản xuất dầu, mỡ động, thực vật và các sản phẩm phụ liên quan. Calofic có trụ sở đăng ký tại KCN Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina")

KDC nắm giữ 40% quyền biểu quyết gián tiếp trong LG Vina, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472023000753 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và theo các GCNĐT sửa đổi sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của LG Vina là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dưỡng da và trang điểm, tạo mùi thơm; sản phẩm làm sạch và chăm sóc tóc; sản phẩm chăm sóc răng, miệng; xà phòng tắm và sản phẩm tẩy rửa gia dụng bán trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối các mặt hàng mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")

KDC nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp trong GHC, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của GHC là sản xuất dầu, mỡ động, thực vật. GHC có trụ sở đăng ký tại số 370, Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Liên doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Dabaco ("Dabaco Food")

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Dabaco Food, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2300345626 do SKHĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04 tháng 09 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Dabaco Food có trụ sở đăng ký tại Nam Viên - Xã Lạc Vệ - Huyện Tiên Du - Bắc Ninh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa. | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được

ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
------------------------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Các chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 30 đến 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.19 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2,890,279,891	1,473,358,888
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259,336,691,933	163,860,908,395
- Các khoản tương đương tiền	1,635,030,000,000	1,518,003,508,294
Cộng	1,897,256,971,824	1,683,337,775,577

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 6,0% một năm

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	654,031,862,580	406,023,133,056
Trong đó		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	77,971,079,323	3,983,439
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phú</i>	81,730,941,961	157,381,334,279
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phát</i>	125,886,026,142	103,214,102,460
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	368,443,815,154	145,423,712,878
Trả trước cho người bán ngắn hạn	87,194,906,159	74,347,949,755
Trong đó		
<i>Công ty TNHH MTV Quốc Thuận Phát</i>	58,121,348,903	64,221,407,955
<i>Công ty Cổ phần Đại Tân Việt</i>	17,412,422,500	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	11,661,134,756	10,126,541,800
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8,000,000,000	8,000,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	339,358,684,615	1,477,765,348,246
Trong đó		
<i>Tạm ứng để đầu tư vào cổ phần mục tiêu</i>	176,638,400,000	1,332,746,591,000
<i>Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư</i>	99,320,000,000	112,675,000,000
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	22,175,729,447	15,066,402,780
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	13,341,639,866	-
<i>Các khoản khác</i>	27,882,915,302	17,277,354,466
Trong đó:	-	-
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	177,038,400,000	1,222,639,391,000
<i>Các bên khác</i>	162,320,284,615	251,454,787,784
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(42,569,671,638)	(11,645,905,547)
Tài sản thiếu chờ xử lý	746,235,522	-
GIÁ TRỊ THUẬN	1,046,762,017,238	1,954,490,525,510

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)***Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11,645,905,547	22,916,962,863
Dự phòng trích lập trong năm]	31,401,682,270	11,645,905,547
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(477,916,179)	(22,916,962,863)
Số cuối năm	42,569,671,638	11,645,905,547

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	388,025,967,843	433,462,737,554
Công cụ, dụng cụ	27,251,451,540	22,440,699,391
Hàng hóa	214,359,691,042	5,577,904,169
Thành phẩm	187,333,693,253	161,414,040,613
Hàng mua đi trên đường	102,107,633,225	5,667,859,791
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55,470,754,164	49,445,059,020
TỔNG CỘNG	974,549,191,067	678,008,300,538
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,184,536,341)	(10,041,210,634)
GIÁ TRỊ THUẦN	970,364,654,726	667,967,089,904

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10,041,210,634	499,859,297
Tăng do mua công ty con	600,000,000	3,125,466,182
Dự phòng trích lập trong năm	1,810,519,717	8,309,967,302
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(8,267,194,010)	(1,894,082,147)
Số cuối năm	4,184,536,341	10,041,210,634

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	17,304,707,562	18,454,707,562
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	85,484,438,836	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	16,332,505,770	9,351,462,068
TỔNG CỘNG	119,121,652,168	27,806,169,630

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**8. TÀI SẢN HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	427,900,229,366	830,142,395,703	136,564,907,145	30,013,200,633	1,424,620,732,847
Mua mới	20,421,866,720	16,878,049,541	14,227,718,282	3,700,790,757	55,228,425,300
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	109,524,852,985	168,740,477,713	9,375,571,202	17,740,091,147	305,380,993,047
Tăng do mua công ty con	193,518,985,298	368,096,047,640	9,362,090,433	6,495,715,412	577,472,838,783
Phân loại lại	1,744,682,003	-	-	-	1,744,682,003
Thanh lý trong năm	(43,636,364)	(24,900,948,606)	(2,434,289,515)	(256,280,000)	(27,635,154,485)
Số dư cuối năm	753,066,980,008	1,358,956,021,991	167,095,997,547	57,693,517,949	2,336,812,517,495
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(138,055,020,074)	(382,998,011,315)	(61,684,660,175)	(18,986,250,794)	(601,723,942,358)
Khấu hao trong năm	(39,378,684,139)	(101,112,765,404)	(17,983,118,518)	(4,710,668,218)	(163,185,236,280)
Tăng do mua công ty con	(76,034,579,451)	(226,715,041,718)	(8,062,183,539)	(4,409,480,768)	(315,221,285,476)
Thanh lý trong năm	(562,422,118)	21,154,803,235	1,209,488,785	243,583,205	22,045,453,107
Số dư cuối năm	(254,030,705,782)	(689,671,015,202)	(86,520,473,447)	(27,862,816,575)	(1,058,085,011,007)
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	289,845,209,292	447,144,384,388	74,880,246,970	11,026,949,839	822,896,790,489
- Tại ngày cuối năm	499,036,274,226	669,285,006,789	80,575,524,100	29,830,701,374	1,278,727,506,488

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**9. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

Khoản mục	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Mối quan hệ với khách hàng	Lợi thế quyền thuê đất	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm						
Số liệu trình bày trước đây	16,591,966,348	363,672,572,381	54,227,663,222	22,587,790,774	-	457,079,992,725
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	446,620,085,759	727,615,200	-	275,773,000,000	321,341,773,906	1,044,462,474,865
Đã điều chỉnh lại	463,212,052,107	364,400,187,581	54,227,663,222	298,360,790,774	321,341,773,906	1,501,542,467,590
Mua mới	-	-	2,857,916,052	-	-	2,857,916,052
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1,705,132,440	-	-	1,705,132,440
Tặng do mua công ty con	-	9,747,217,260	2,884,296,490	-	-	12,631,513,750
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(350,000,000,000)	-	-	-	(350,000,000,000)
Số dư cuối năm	463,212,052,107	24,147,404,841	61,675,008,204	298,360,790,774	321,341,773,906	1,168,737,029,832
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm						-
Số liệu trình bày trước đây	(9,955,179,809)	(3,558,070,378)	(27,904,638,125)	(8,470,421,539)	-	(49,888,309,851)
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	(1,860,917,024)	-	-	(1,149,054,167)	(933,168,194)	(3,943,139,385)
Đã điều chỉnh lại	(11,816,096,833)	(3,558,070,378)	(27,904,638,125)	(9,619,475,706)	(933,168,194)	(53,831,449,236)
Khấu hao trong năm	(23,990,200,923)	(105,285,952)	(6,110,206,383)	(15,200,386,923)	(5,599,009,164)	(51,005,089,345)
Tặng do mua công ty con	-	(2,768,427,333)	(2,884,296,490)	-	-	(5,652,723,823)
Số dư cuối năm	(35,806,297,756)	(6,431,783,663)	(36,899,140,998)	(24,819,862,629)	(6,532,177,358)	(110,489,262,404)
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	451,395,955,274	360,842,117,203	26,323,025,097	288,741,315,068	320,408,605,712	1,447,711,018,354
- Tại ngày cuối năm	427,405,754,351	17,715,621,178	24,775,867,206	273,540,928,145	314,809,596,548	1,058,247,767,428

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt máy móc	-	14,942,594,328
Xây dựng nhà máy	13,131,812,153	15,556,141,796
Phát triển phần mềm	4,135,000,000	6,975,639,040
Nhà kho và nhà ăn cho nhân viên	4,968,847,536	12,131,555,667
Khác	947,742,313	1,588,798,890
TỔNG CỘNG	23,183,402,002	51,194,729,721

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**11.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Giá trị thuần của chứng				
khoán kinh doanh		399,729,351		3,503,729,901
Cổ phiếu niêm yết	19,589	401,120,064	129,589	3,949,434,564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1,390,713)		(445,704,663)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	1,035,955,873,731	650,000,000,000
Trái phiếu	250,000,000,000	-
TỔNG CỘNG	1,286,355,603,082	653,503,729,901

11.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	Vốn đầu tư VND	%	Vốn đầu tư VND
Lavenue	50	1,072,541,267,107	50	1,075,599,228,708
VOCA	0	-	24	557,143,017,306
Phong Thịnh	34	2,000,000,000	34	2,000,000,000
DABACO	50	94,096,330,515	-	-
Calofic	24	866,813,370,509	-	-
LG Vina	40	98,479,333,480	-	-
		2,133,930,301,611		1,634,742,246,014

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình (Nakydaco)	23,556,373,329	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Lavenue	Vocarimex	Phong Thịnh	GHC	Calofic	LG Vina	Dabaco	Total
Số đầu năm	1,087,500,000,000	421,505,599,984	2,000,000,000	-	-	-		1,511,005,599,984
Tăng do mua công ty con		-		47,192,438,524	572,600,582,675	71,321,827,562	101,000,000,000	792,114,848,761
Giảm do trở thành công ty con		(421,505,599,984)		-				(421,505,599,984)
Số cuối năm	1,087,500,000,000	-	2,000,000,000	47,192,438,524	572,600,582,675	71,321,827,562	101,000,000,000	1,881,614,848,761
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát								
Số đầu năm	(11,900,771,292)	135,637,417,322	-		-			123,736,646,030
Tăng (giảm) do mua công ty con				(47,192,438,524)	172,659,565,274	41,804,256,038		167,271,382,788
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	(3,057,961,603)	33,989,547,007		-	121,553,222,562	(14,646,750,120)	(6,903,669,485)	130,934,388,361
Giảm do trở thành công ty con		(169,626,964,329)		-				(169,626,964,329)
Số cuối năm	(14,958,732,895)	-	-	(47,192,438,524)	294,212,787,836	27,157,505,918	(6,903,669,485)	252,315,452,850
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	1,075,599,228,708	557,143,017,306	2,000,000,000	-	-	-	-	1,634,742,246,014
Số cuối năm	1,072,541,267,105	-	2,000,000,000	-	866,813,370,511	98,479,333,480	94,096,330,515	2,133,930,301,611

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	190,974,077,818
Phải trả người bán khác	507,197,325,174	157,460,558,241
TỔNG CỘNG	507,197,325,174	348,434,636,059

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Tăng	Giảm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38,920,593,698	196,297,306,331	(250,430,187,314)	93,053,474,681
Thuế GTGT	424,147,341	98,931,575,630	(98,507,428,289)	-
Thuế thu nhập cá nhân	9,384,376,766	181,837,945,252	(172,463,712,973)	10,144,487
Thuế khác	(9,055,273,696)	36,086,987,522	(55,399,415,737)	10,257,154,519
TỔNG CỘNG	39,673,844,109	513,153,814,735	(576,800,744,313)	103,320,773,687
Trong đó				
<i>Thuế phải nộp</i>	57,103,268,115			104,158,920,838
<i>Thuế nộp thừa</i>	(17,429,424,006)			(838,147,151)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	9,882,166,032	10,458,036,289
Lương tháng 13 và thưởng	8,118,485,029	16,185,629,622
Phí thuê đất	21,970,321,215	-
Chi phí tiếp thị	69,173,062,939	70,798,343,979
Phí tư vấn	4,635,550,098	43,199,629,782
Phí vận chuyển	2,371,821,603	705,379,460
Chi phí phải trả khác	8,249,155,493	5,421,658,808
TỔNG CỘNG	124,400,562,409	146,768,677,940

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	52,622,462,561	30,938,632,294
Cổ tức phải trả	5,209,692,580	5,426,334,300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm	7,524,473,271	4,325,640,574
Phải trả cổ phần hóa	4,030,160,592	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35,858,136,118	21,186,657,420
Trong đó		
<i>Phải trả các bên khác</i>	52,622,462,561	30,938,632,294
Dài hạn	28,664,619,746	17,360,374,664
Nhận ký quỹ	28,664,619,746	17,360,374,664

16. VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1,035,054,226,683	645,853,690,786
Vay dài hạn đến hạn trả	198,826,093,686	197,845,000,000
	1,233,880,320,369	843,698,690,786
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	593,792,421,762	791,639,780,822
Vay ngân hàng	316,689,288,121	206,314,241,034
Khác	11,640,000,573	-
	922,121,710,456	997,954,021,856
TỔNG CỘNG	2,156,002,030,825	1,841,652,712,642

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	843,698,690,786	997,954,021,856
Tiền thu từ đi vay	5,326,408,729,693	-
Tặng do mua công ty con	434,909,983,541	168,342,276,047
Chuyển từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn	246,327,228,387	(246,327,228,387)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2,152,640,940
Tiền chi trả nợ gốc vay	(5,617,464,312,038)	-
Số cuối năm	1,233,880,320,369	922,121,710,456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**16.1 Vay ngân hàng**

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối năm được trình bày như sau:

Ngắn hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	50,000,000,000	14 tháng 03 năm 2018	6	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	9,968,250,250	11 tháng 04 năm 2018	6	Tín chấp
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	125,564,131,862	29 tháng 06 năm 2018	5,4 đến 5,8	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị thuộc Dự án Phú Đồng lần lượt trị giá 56,943,360,736 VND và 133,336,620,854 VND; xây dựng cơ bản dở dang trị giá 4,778,830,490 VND; quyền sử dụng đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi với giá trị còn lại trị giá 15,448,568,697 VND; giá trị hàng tồn kho trị giá 109.973.620.718 VND; và khoản phải thu trị giá 175.608.649.478 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	7,699,376,078	05/08/2018	5	Tín chấp
Ngân hàng CTBC Việt Nam	25,316,425,602	14/05/2018 đến 27/05/2018	5.7 đến 5.9	Tín chấp
Ngân hàng HSBC	3,200,498,171	Ngày 27 tháng 4 năm 2018	4	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	84,040,949,377	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 01 tháng 03 năm 2018	5,2%-5,3%	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng TMCP Công thương VN	236,522,661,034	Từ ngày 10 tháng 02 năm 2018 đến ngày 20 tháng 03 năm 2018	4,8%-5,5%	Tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Tp. HCM (i)	324,618,159,829	Từ tháng 02 đến tháng 03.2018	5-7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN 7 Tp. HCM (iii)	129,204,631,030	Từ tháng 02 đến tháng 03.2018	3-5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	38,919,143,450	Từ tháng 5.2018	7.6	Tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 263.423.567.998 VND, quyền sử dụng đất có giá trị 6.873.503.975 VND, dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thùng carton 4.410.036.254 VND

Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2

981,093,686

Dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	149,689,147,000	Ngày 12 tháng 1 năm 2021 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021	Từ 6,5 đến 8,7	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị thuộc nhà máy Bắc Ninh lần lượt trị giá 155,279,732,131 VND; 136,165,107,355 VND ; xây dựng cơ bản dở dang trị giá 10,517,674,930 VND ; và quyền sử dụng đất tại Bắc Ninh với giá trị còn lại 45,003,262,201 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng BIDV	154,090,649,121	120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 263.423.567.998 VND và Quyền sử dụng đất giá trị 6.873.503.975
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2 ⁽ⁱⁱ⁾	11,640,000,573	Khoản phải trả Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 11.640.000.573 VND liên quan đến Hợp đồng thuê đất xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II ngày 12 tháng 5 năm 1998 để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA, phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 22 tháng 11 năm 2011 và phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 15 tháng 9 năm 2015, diện tích thuê đã điều chỉnh là 29.668 m ² - trong thời hạn 30 năm. Khoản vay phải trả lãi suất 0%.	

16.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh	Ngày 18 tháng 11 năm 2016	800,000,000,000
Chi phí phát hành trái phiếu		(8,362,862,616)
TỔNG CỘNG		<u>791,637,137,384</u>
Trong đó		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		197,845,000,000
Vay dài hạn trái phiếu		593,792,137,384

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 8,5%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCB"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và VIB cộng với biên độ 2,5%/năm Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo với tỷ lệ

- tối thiểu 20% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 40% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 60% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 80% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và

giá trị trái phiếu phát hành

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trái phiếu này được sở hữu bởi VIB

Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của một vài công ty con của Công ty .

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 công ty mua lại 20% giá trị trái phiếu phát hành tương đương 200.000.000.000 VNĐ theo như cam kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	-	(1,958,652,945,062)	51,162,916,267	15,909,752,661	1,398,947,279,604	5,265,984,235,170
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(831,373,476)	-	-	-	(831,373,476)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1,175,154,632,972	1,175,154,632,972
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	(533,373,430)	(533,373,430)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(11,595,212,483)	(11,595,212,483)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(493,586,738,400)	(493,586,738,400)
Công ty con tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	159,680,000,000	-	-	-	(159,680,000,000)	-
Số dư đầu năm nay	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	159,680,000,000	(1,959,484,318,538)	51,162,916,267	15,909,752,661	1,908,706,588,263	5,934,592,170,353
Số liệu trình bày trước đây	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	159,680,000,000	(1,959,484,318,538)	51,162,916,267	15,909,752,661	1,908,706,588,263	5,934,592,170,353
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	-	-	-	-	-	-	1,317,233,654	1,317,233,654
Đã điều chỉnh lại	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	159,680,000,000	(1,959,484,318,538)	51,162,916,267	15,909,752,661	1,910,023,821,917	5,935,909,404,007
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	383,442,362,950	383,442,362,950
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	-	(471,102,259,710)	(471,102,259,710)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	19,175,272,365	-	(19,175,272,365)	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(12,333,990,900)	(12,333,990,900)
Thanh lý một phần của khoản đầu tư trong công ty con	-	-	(55,680,000,000)	-	-	-	532,309,659,651	476,629,659,651
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(2,294,200)	-	5,808,700	-	-	-	3,514,500
Mua thêm từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	58,700,634,444	58,700,634,444
Tăng từ điều chỉnh cổ tức từ công ty con trước giai đoạn đầu tư	-	-	-	-	-	-	83,080,337,391	83,080,337,391
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(29,587,636,183)	(29,587,636,183)
Khác	-	-	-	-	(5,002,210,288)	-	-	(5,002,210,288)
Số dư cuối năm nay	2,566,533,970,000	3,192,080,967,500	104,000,000,000	(1,959,478,509,838)	65,335,978,344	15,909,752,661	2,435,357,657,195	6,419,739,815,862

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	2,566,533,970,000	2,566,533,970,000

17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256,653,397	256,653,397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256,653,397	256,653,397
Cổ phiếu quỹ	(50,992,256)	(50,992,335)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205,661,141	205,661,062

17.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	471,102,259,710	205,661,141,000
Cổ tức đã trả trong năm	471,474,065,530	205,674,483,750

18. DOANH THU

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
18.1 Doanh thu bán hàng	1,978,125,641,069	816,285,296,353
Doanh thu bán hàng hóa	532,089,820,070	319,570,024,999.79
Doanh thu bán thành phẩm	1,285,558,226,468	430,493,238,692.55
Doanh thu khác	160,477,594,531	66,222,032,661
Các khoản giảm trừ doanh thu	(30,623,247,598)	(22,845,003,336)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(8,992,336,786)	(5,568,825,080)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(21,624,981,720)	(17,253,554,104)
<i>Giảm giá</i>	(5,929,092)	(22,624,152)
DOANH THU THUẦN	1,947,502,393,471	793,440,293,017

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	38,200,000,000	185,209,034,488
Lãi tiền gửi	33,789,582,657	23,514,364,339
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1,098,670,156	3,103,715,960
Điều chỉnh cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty con	(14,388,366,600)	-
Khác	127,413,216	18,970,172,086
TỔNG CỘNG	58,827,299,429	230,797,286,873

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	517,323,266,190	69,310,508,205
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,054,687,091,147	576,900,174,995
Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,352,389,913	-
TỔNG CỘNG	1,573,362,747,250	646,210,683,200

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Chi phí lãi vay	44,539,563,557	18,410,857,759
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	415,921,409	109,982,301
Phân bổ phí phát hành trái phiếu	542,583,470	259,212,063
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	70,405,650	4,236,730,619
Phí tư vấn	-	-
Khác	2,525,699,758	8,826,142,098
TỔNG CỘNG	48,094,173,844	31,842,924,840

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Lương nhân viên	53,944,218,704	42,390,423,622
Quảng cáo và khuyến mãi	39,946,898,417	23,794,748,452
Chi phí vật liệu, bao bì	2,096,525,392	2,026,165,821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116,453,349,974	5,164,874,937
Khác	47,570,194,327	39,410,116,732
TỔNG CỘNG	260,011,186,814	112,786,329,565

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Lương nhân viên	49,017,469,346	27,696,199,398
Dịch vụ mua ngoài	20,127,891,400	25,056,336,100
Phí thuê và bảo trì	10,295,513,753	1,373,332,340
Khấu hao và hao mòn	46,993,444,132	4,800,999,023
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng các khoản phải thu khó đòi	15,130,742,984	-
Khác	7,705,161,307	15,840,854,413
TỔNG CỘNG	149,270,222,922	74,767,721,274

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2017	Cho kỳ kế toán quý IV năm 2016
Thu nhập khác	12,456,558,635	(432,286,985)
Hoàn nhập tiền thuê đất phải trả cơ quan thuế	1,475,854,200	-
Thu nhập từ cho thuê	2,231,932,886	-
Bồi thường	1,078,821,093	-
Thu nhập khác	7,669,950,456	(432,286,985)

Chi phí khác	19,120,622,335	3,838,463,814
Tiền phạt	8,415,407,709	-
Chi phí khác	10,705,214,626	3,838,463,814
LỢI NHUẬN KHÁC	(6,664,063,700)	(4,270,750,799)

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	1,572,010,357,337	69,310,508,205
Chi phí nhân công	102,961,688,050	70,086,623,021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60,074,789,817	48,851,084,552
Chi phí khấu hao và hao mòn	163,446,794,106	4,800,999,023
Khác	84,150,527,676	640,715,519,238
TỔNG CỘNG	1,982,644,156,986	833,764,734,039

25. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Doanh thu bộ phận

Bộ phận theo ngành hàng của Tập đoàn bao gồm ngành lạnh và ngành dầu. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo ngành hàng của Tập đoàn như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Tổng cộng Khu vực miền Nam	Tổng cộng Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	5,483,365,427,844	1,641,434,437,258	7,124,799,865,102
Các khoản giảm trừ doanh thu	(85,100,797,542)	(16,781,038,940)	(101,881,836,482)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	1,631,263,208,846	-	1,631,263,208,846
	7,029,527,839,148	1,624,653,398,318	8,654,181,237,466

Đối chiếu:

Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	(1,631,263,208,846)
Doanh thu trong năm	7,022,918,028,620

Lợi nhuận bộ phận	634,122,246,871	37,239,682,149	671,361,929,020
--------------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Đối chiếu:

Lãi tiền gửi	127,757,059,364
Chi phí lãi vay	(157,279,321,813)
Chi phí khấu trừ lợi thế thương mại	(72,445,099,126)

Lợi nhuận kế toán trước thuế	569,394,567,445
-------------------------------------	------------------------

25. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận khác

Khấu hao và khấu trừ	353,191,056,704	18,278,590,734	371,469,647,438
Dự phòng phải thu khó đòi	(5,072,516,782)	(25,851,249,309)	(30,923,766,091)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5,856,674,293	-	5,856,674,293
Dự phòng đầu tư	444,313,950	-	444,313,950
Tài sản bộ phận	12,878,354,601,322	798,565,792,359	13,676,920,393,681

Đối chiếu:

Phải thu bộ phận			(668,881,673,710)
Lợi thế thương mại			(1,059,767,785,398)
Thương hiệu			(427,405,754,351)
Quan hệ khách hàng			(273,540,928,145)

Tổng tài sản **11,247,324,252,077**

Nợ phải trả **3,747,051,023,495** **327,465,680,157** **4,074,516,703,652**

Đối chiếu:

Phải trả bộ phận (668,881,673,710)

Tổng nợ phải trả **3,405,635,029,942**

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Kinh Do Land	Công ty liên quan	Phí cho thuê văn phòng	284,090,909
		Phí dịch vụ khác	55,335,675
GHC - Nhà Bè	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	1,090,683,492
		Cung cấp dịch vụ gia công dầu	611,677,000
		Phí căn xe	33,761,400
		Mượn nguyên liệu	(4,946,803,550)
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng đầu tư	100,000,000,000
		Thu hồi tạm ứng đầu tư	(100,000,000,000)
		Mua trái phiếu	150,000,000,000
Calofic	Công ty liên kết	Mua hàng	(893,568,000)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Phải thu các bên liên quan

Phải thu khách hàng

Tân Bình	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	72,610,073,239
GHC - Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>5,361,006,084</u>
TỔNG CỘNG			<u><u>77,971,079,323</u></u>

Phải thu khác

VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng đầu tư	176,638,400,000
		Lãi trái phiếu	<u>400,000,000</u>
TỔNG CỘNG			<u><u>177,038,400,000</u></u>

Phải trả nhà cung cấp

GHC - Nhà Bè	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	<u>262,394,770</u>
TỔNG CỘNG			<u><u>262,394,770</u></u>

Phải trả khác

GHC - Nhà Bè	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	<u>1,975,365,000</u>
TỔNG CỘNG			<u><u>1,975,365,000</u></u>



 Trần Minh Nguyệt
 Người lập
 Ngày 18 tháng 01 năm 2018



 Nguyễn Thị Oanh
 Kế toán trưởng



 Trần Lệ Nguyên
 Tổng Giám đốc

Số: 1901/2018/CV-KDC
(V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận)

TpHCM, ngày 22 tháng 01 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM**

Liên quan đến vấn đề chênh lệch lợi nhuận giữa Quý 4/2017 và Quý 4/2016, Chúng tôi xin giải trình như sau:

ĐVT: triệu đồng

	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Quý 4/2017	Quý 4/2016	% Tăng trưởng	Quý 4/2017	Quý 4/2016	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1.947.502	793.440	145,5%	812	65.604	-98,8%
Lợi nhuận trước thuế	34.510	207.816	-83,4%	-1.586	61.849	-102,6%
Lợi nhuận sau thuế	-34.703	174.099	-119,9%	-2.714	29.770	-109,1%
Biên lợi nhuận trước thuế	1,8%	26,2%		-195,28%	94,3%	
Biên lợi nhuận sau thuế	-1,8%	21,9%		-334,2%	45,4%	

A. Báo cáo Hợp nhất:

- Doanh thu thuần tăng 145,5% so với cùng kỳ năm ngoái đến từ việc hợp nhất doanh thu từ Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (TAC) và Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (VOC), và tăng trưởng của mảng kem và hàng đông lạnh.
- Lợi nhuận trước thuế giảm 83,4% do trong Quý 4/2016 ghi nhận lợi nhuận còn lại đến từ việc chuyển nhượng 20% cổ phần của mảng kinh doanh bánh kẹo.
- Lợi nhuận sau thuế giảm 119,9% chủ yếu liên quan đến thuế phát sinh cho phần thu nhập do đánh giá lại khoản đầu tư 24% sở hữu của KDC tại VOC khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

B. Báo cáo Công ty mẹ:

- Doanh thu thuần của công ty mẹ giảm 98,8% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do thay đổi mô hình kinh doanh. Công ty mẹ sẽ không còn sản xuất và phân phối hàng hóa, thay vào đó sẽ tập trung vào quản trị chiến lược, quảng bá và tiếp thị sản phẩm cho các công ty con. Trong Quý 4/2017, Công ty mẹ phát sinh chi phí tái cấu trúc liên quan đến việc chuyển đổi mô hình kinh doanh do đó lợi nhuận trước và sau thuế giảm.

Trân trọng kính chào.

Nơi Nhận:

- Như trên
- Lưu P. Tài Chính

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Lệ Nguyễn